BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VƯƠNG TOÀN[*]
tổng thuật

Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc phục vụ phát triển bền vững là chủ đề Hội thảo quốc tế do trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Bansomdejchaoraya Rajabhat (Thailand) tổ chức tại Hà Nội vào ngày 17/12/2010. Hội thảo thu hút sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu và giảng dạy thuộc các chuyên ngành nhân chủng học, dân tộc học, ngôn ngữ học, xã hội học,… đến từ các nước: Thailand, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Malaysia và Việt Nam.

Trong diễn văn khai mạc, GS.TS Nguyễn Văn Khánh – Hiệu trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nhấn mạnh, xu thế khu vực hoá, quốc tế hoá diễn ra mạnh mẽ hiện nay đã và đang đem lại nhiều cơ hội phát triển cho các quốc gia nhưng cũng đặt ra không ít những thách thức, khó khăn trong việc lựa chọn chính sách, con đường phát triển, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống. Dưới tác động của quá trình toàn cầu hoá, mỗi nền văn hoá không thể tồn tại một cách biệt lập mà luôn có sự giao hoà và tiếp bước những tác động của các nền văn hoá bên ngoài. Các quốc gia đa tộc người, việc bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc với những lối sống và đặc trưng riêng gắn liền với vấn đề đa dạng văn hoá và phát triển bền vững cũng trở thành một trong những vấn đề cấp bách. Hội thảo nhằm vào 5 chủ đề:

1. Văn hóa và sắc thái vùng miền.

2. Phong tục và ngôn ngữ là căn cước tạo nên sắc thái văn hóa.

3. Quá trình hình thành tri thức bản địa và phát triển.

4. Bảo tồn các di sản văn hóa trong xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa .

5. Thái độ của chính quyền và cộng đồng.

Ba tham luận được trình bày tại phiên toàn thể: *Từ cách tiếp cận vấn đề khai thác tri thức địa phương các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển bền vững từ góc độ nhân học* (của PGS. TS. Lâm Bá Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội) đến *Ảnh hưởng của tri thức ngôn ngữ và văn hóa đến sự phát triển ngôn ngữ thứ hai* (của PGS. TS. Panornuang Sudasna Na Ayudhya, Đại học Bansomdejchaoraya Rajabhat, Thailand) và *Việc nhìn nhận quan hệ giữa các dân tộc Choang, Thái*

(*) PGS. TS., Viện Thông tin KHXH, Phó Chủ nhiệm Chương trình Thái học Việt Nam.

và Tày từ góc nhìn lịch đại và đương đại (của GS. Phạm Hồng Quý, Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc). Sau đó là 43 báo cáo được giới thiệu ở hai tiểu ban. Tiểu ban 1: *Văn hóa và phát triển bền vững* thảo luận về việc hình thành và khai thác tri thức bản địa, văn hoá và các sắc thái văn hoá vùng miền, phong tục tập quán và ngôn ngữ, đặc biệt là vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống phục vụ cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Tiểu ban 2: *Bài học kinh nghiệm về hoạch định và thực thi chính sách bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc vì mục tiêu phát triển bền vững* tập trung bàn thảo về các đề xuất, những giải pháp, chủ trương chính sách của cộng đồng trong bảo tồn văn hoá. Đặc biệt, một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay đó là việc bảo tồn tập tục, ngôn ngữ của dân tộc thiểu số, chủ trương chính sách của cộng đồng trong việc bảo tồn văn hoá, vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng đối với việc giữ gìn và phát triển giá trị văn hoá truyền thống, chống bạo lực cộng đồng, nhất là ở thanh thiếu niên…

Ngoài ra, cũng có một số ít nghiên cứu chuyên sâu trong phát triển như về bảo mật thông tin, hiệu quả của các website,…

Dưới đây là những nội dung chính được thảo luận tại Hội thảo này.

1. Vấn đề được quan tâm, chú ý nhiều là sự hình thành và khai thác "tri thức địa phương", được định nghĩa là một hệ thống tri thức bất kì về thế giới do cộng đồng người sáng tạo nên, được phát triển và gắn liền với lịch sử của cộng đồng cũng như các điều kiện cụ thể của từng địa phương nơi cộng đồng ấy sinh sống, vốn không tồn tại như một lý thuyết khoa học, nhưng gắn liền với một địa bàn cư dân, song không hẳn đã là phổ biến.

Nhấn mạnh đến vai trò của "tri thức địa phương", mà chủ nghĩa sô vanh văn hóa hạ thấp giá trị, coi là "phi khoa học", thậm chí coi là "lạc hậu", kinh nghiệm đã cho thấy một số hậu quả của việc coi thường tri thức địa phương như trong việc tiến hành cuộc "cách mạng xanh" tại Ấn Độ những năm 60-70 của thế kỷ XX, do không chú ý đến sự tham gia cũng như kinh nghiệm canh tác của cộng đồng, dẫn đến hậu quả là cạn kiệt tài nguyên tái tạo, suy giảm chất lượng đất, người dân thiếu đói; hoặc trong việc chuyển đổi cây trồng ở Mỹ những năm 40-50 của thế kỷ XX đã chủ trương loại bỏ toàn bộ các mô hình đa canh - trồng xen truyền thống và chuyển toàn bộ diện tích đất nông nghiệp sang mô hình đơn canh vì cho năng suất cao. Tuy nhiên, mô hình này đã gặp phải nhiều bệnh dịch, dẫn đến hiện tượng mất trắng trong nhiều trường hợp. Ở Việt Nam, một số dự án phát triển cũng đã bộc lộ những bất cập tương tự như mô hình chia tách hộ gia đình và tình trạng giải thể nhà dài ở Tây Nguyên những năm 80 của thế kỷ XX; việc xây dựng nhà sinh hoạt chung cho các dân tộc bản địa trong khuôn khổ dự án đa dạng hóa nông nghiệp vùng Trường Sơn - Tây Nguyên giai đoạn 2002-2004; mô hình tái định cư ở Tân Lập phục vụ dự án Thủy điện Sơn La… Hậu quả của sự coi thường này đã dẫn đến môi trường sinh thái bị hủy hoại, tài nguyên cạn kiệt, do không chú ý đúng mức đến tri thức dân gian về nước trong việc canh tác đất dốc và ruộng bậc thang có lợi thế riêng trong bảo vệ môi trường, đã khai thác

đất, rừng, nước tùy tiện.

Như thế, cách dự đoán các hiện tượng tự nhiên và xã hội của người Thái vùng Tây Bắc Việt Nam, của các cư dân tại chỗ ở Trường Sơn – Tây Nguyên, hay cụ thể hơn như tri thức về thực phẩm truyền thống của cộng đồng người Bangkradee, Bangkok (Thailand),… nói chung là những tri thức bản địa đều cần được chắt lọc, bảo tồn và phát huy, phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai.

Dù y dược học dân gian được các nhà nghiên cứu chú ý rất sớm (như ở Việt Nam có công trình nổi tiếng của GS. Đỗ Tất Lợi) thì cũng còn rất nhiều phương thuốc chữa bệnh dân gian của các dân tộc : Dao, Thái, Mường, Mông, Ê đê, Gia rai,… rất cần được phân tích sâu sắc để có thể ứng dụng một cách khoa học, trong đó có cả các thực phẩm truyền thống, vốn không chỉ có giá trị dinh dưỡng mà còn có giá trị bồi bổ sức khỏe và chữa bệnh, một khi thảo mộc là nguồn dược liệu đang được thế giới hiện đại rất quan tâm.

Nghiên cứu tập quán về nhà ở, việc sử dụng đất đai, cách quản lý làng bản cũng cho thấy nhân học cần tìm những giá trị thích ứng của tri thức địa phương phổ biến, nhiều khi rất phù hợp với tri thức khoa học. Trước năm 1945, xã hội có già làng trưởng bản, trai đinh, có tôn ti trật tự bảo lưu trong làng xã cổ truyền, hỗ trợ quản lý xã hội.

Chẳng hạn như trong số 65 "lệ" được ghi lại ở một văn bản cách đây hàng trăm năm, bên cạnh những lệ thường gặp ở những nơi khác như: lệ cầu thời tiết thuận hoà, lệ đăng thọ, lệ lên lão, lệ kết hôn, lệ đám hiếu, lệ về trách nhiệm của hội hiếu và hội viên, còn có lệ tuyển quân, lệ canh phòng và phạt người bỏ canh phòng, phạt kẻ phá hoại sản xuất, phạt kẻ ăn trộm hoa màu, phạt kẻ trộm cướp tài sản công dân, phạt tàng trữ của trộm cướp, phạt kẻ dung túng thổ phỉ, phạt kẻ đánh bạc, phạt kẻ làm nghề mê tín,... Khen thưởng có các lệ: thưởng người cáo giác, thưởng cho người bắt được cướp, thưởng cho người bắt được trộm, thưởng cho người bắt được hổ,… Và đáng chú ý là cũng đã có lệ chi tiêu việc công, phạt kẻ buôn bán người, phạt trả thù riêng, phạt kẻ làm cháy nhà, phạt kẻ làm cháy rừng, phạt kẻ chặt phá rừng,… Những tục lệ này hẳn đã ngầm chi phối cuộc sống của người dân nơi đây suốt những năm tháng chiến tranh liên miên, giặc giã tàn phá,… Khi cư dân xáo trộn, cuộc sống đòi hỏi "vui duyên mới không quên nhiệm vụ" thì cũng nhiều quy ước "bất thành văn" được chia sẻ, cùng thực hiện. Do cuộc sống chật vật trong và sau thời chiến, người ta có thể bỏ qua hoặc châm chước... thậm chí đã quên đi những điều lệ đã từng được cả cộng đồng dân cư xã Hữu Thu (huyện Thoát Lãng, Lạng Sơn) định ước cùng nhau thực hiện.

Khi nhìn nhận lại văn bản này thì thấy không ít điều đến nay vẫn rất có giá trị, không chỉ cho nơi đây mà rộng hơn, bởi chúng thực sự có thể góp phần xây dựng nếp sống văn hóa mới hay đúng hơn là xây dựng con người miền núi có nếp sống phù hợp với xã hội mới đầy biến động. Sau khi Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở ra đời (2003), ở địa phương có lực lượng bán cộng đồng là trưởng thôn, công an thôn, bên cạnh dân tự lập với thể chế dân sự, tự quản cũng nhiều tầng: làng - họ - gia đình, theo nơi cư ngụ có ngõ xóm - liên gia, theo hội đoàn có: đồng niên, đồng tuế, đồng sở nguyện (cầu lông, dưỡng sinh…) hay cao hơn là

phường hội (thể thao, văn nghệ…).

Trước bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế, lối sống hiện đại, văn minh phương Tây – có khi chỉ là từ hành vi của khách du lịch - cũng có ảnh hưởng đến nhiều vùng, miền trên toàn thế giới, dần làm lu mờ những nét văn hóa đặc sắc của nhiều dân tộc. Chẳng hạn như nhiều nét văn hóa truyền thống của người Sán Dìu (ở Thái Nguyên) đã mai một nhanh chóng, chỉ tín ngưỡng là còn lưu lại…

Nghiên cứu giao thoa giữa các vùng, miền như khảo sát (của GS Phạm Hồng Quý) về tình hình ở Việt Nam (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn), Thailand và Trung Quốc gần 20 năm trở lại đây cho thấy chợ hát (nét văn hóa độc đáo của chợ truyền thống, vốn không chỉ là nơi để kẻ mua người bán) của người Tày, người Nùng, người Thailand, người Choang nay còn rất ít. Vẫn có đấy nhưng đến chợ, ít người hát hơn trước kia nhiều, nhất là lớp thanh niên. Vấn đề bảo tồn tiếng hát ở chợ vùng dân tộc có nguy cơ thất bại, khi thanh niên không thích nữa (thay vào đó, đây đó đã có những tiếng nhạc xập xình mà người bản ngữ chỉ thưởng thức giai điệu, không biết gì về nội dung ca từ, cùng với nhiều hoạt động vui chơi giải trí mới, như xem ti vi, xem phim, chơi bóng rổ, bóng chuyền…). Như vậy, muốn bảo tồn ca nhạc truyền thống thì phải thay đổi để sao cho thanh niên vẫn ưa thích, nếu không sẽ chỉ còn lời ca tiếng hát bằng tiếng dân tộc trên sân khấu hay chỉ phục vụ các đoàn khách du lịch xong lại trút bỏ ngay cả ngôn ngữ lẫn y phục dân tộc… Có một thực tế là ở Quý Châu (Trung Quốc) trước đây thanh niên người Mèo phải hát mới được yêu, nay thì chỉ cần nói "Anh yêu em" hay "Em yêu anh" là được… Phải chăng đó là trào lưu thế giới? Tuy nhiên, nhìn chung thì các yếu tố văn hóa tinh thần còn giữ được nhiều hơn là văn hóa vật chất, vì chẳng hạn như để có một cái áo truyền thống, người Mèo phải mất 3-4 năm mới hoàn thành thì không chỉ tốn tiền lại mất thời gian, nay mua quần áo may sẵn rẻ hơn nhiều ! Nhiều nơi ngày nay, áo dân tộc + quần âu do bố mẹ mua đã trở thành trang phục phổ biến.

Trước làn sóng văn hóa đổ xô đến từ bên ngoài, nếu trái với truyền thống văn hóa của mình thì phải biết cự tuyệt, song nếu là các yếu tốc tích cực thì cần có các bước tiếp thu thích hợp để biến thành của mình và truyền bá cho nhân dân mình, ở đây cần thấy cả trách nhiệm của một trường đại học

2. Bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa và sắc thái văn hóa tộc người gồm nhiều yếu tố, cấp độ nên cần đưa ra những nhóm định hướng và giải pháp cho vấn đề đặt ra: Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân các dân tộc thiểu số; xác định rõ việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong xu hướng hội nhập là công việc tự thân của chính các cộng đồng tộc người thiểu số; môi trường để bảo tồn và phát huy chính là làng bản với cấu trúc cộng đồng tự trị; coi trọng mục tiêu cải thiện đời sống của nhân dân, xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng các dân tộc thiểu số; từng bước loại bỏ những hủ tục lạc hậu, lối sống tự do hoang dã vùng rừng núi.

Nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và tuyên truyền về mối quan hệ giữa văn hóa và môi trường cũng như mối quan hệ tất yếu của văn hóa - môi trường với sự phát triển kinh tế - xã hội trong một chiến lược phát triển bền

vững của quốc gia và địa phương.

Tiếp thu bên ngoài là tất yếu nhưng phải khẳng định vai trò của chủ thể văn hóa trong bảo tồn và phát triển, tăng cường các cách thức bảo tồn văn hóa trong phát triển: tính mở và tính vận động, sự đa dạng không chỉ theo tộc người mà đa dạng vùng, miền.

Việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc còn được đặt ra ở các nhóm người thiên di, như học sinh Campuchia sang Thailand học tập (có đến 500 học sinh tiểu học và 100 học sinh trung học, đa số là nữ do thích khoa học tự nhiên và muốn làm việc tại Thailand sau này). Hoặc ở người Thailand sang Hàn Quốc theo "triết lý" hiệu quả kinh tế, người lao động phải có ý thức kế thừa di sản văn hóa, nhất là văn hóa phi vật thể và tự bảo vệ truyền thống văn hóa, trong đó có văn học dân gian và khi làm việc có ý thức bảo vệ môi trường, không phá hoại tự nhiên.

Vấn đề ngôn ngữ tại vùng dân tộc thiểu số được bàn luận sôi nổi, trong đó có những nội dung đáng chú ý là: 1/ Tình hình đô thị hoá đang làm cho việc sử dụng tiếng dân tộc giảm đi rõ rệt; 2/ Xu hướng thanh niên dân tộc thiểu số không biết tiếng mẹ đẻ ngày một tăng (mà đây chính là lực lượng bảo tồn và phát huy tiếng nói chữ viết dân tộc thiểu số); 3/ Khả năng sử dụng tiếng Việt của học sinh dân tộc còn yếu; 4/ Điều kiện học tập của học sinh dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; 5/ Ngôn ngữ dân tộc thiểu số với tư cách là ngôn ngữ vùng ngày càng "mờ", thay vào đó là tiếng Việt.

Nhìn lại chính sách ngôn ngữ trước sự thay đổi về cảnh huống ngôn ngữ, có thể thấy ba giai đoạn: 1930-1945, chủ trương kể cả cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải học tiếng dân tộc; 1945-1975: dùng chữ quốc ngữ để phiên âm tiếng dân tộc; từ 1975 đến nay, đáng chú ý là Đại hội VIII nhấn mạnh đến việc bảo tồn và phát huy ngôn ngữ dân tộc, trong xu thế đô thị hóa, toàn cầu hóa với vai trò của tiếng Anh. Việc lựa chọn ngôn ngữ của cộng đồng đặt ra khi có 3 yếu tố tác động: sống đan xen, di dân và thị trường. Bên cạnh tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ vùng cùng là ngôn ngữ dân tộc thiểu số, là tiếng phổ thông và còn có tiếng nước ngoài (bắt buộc và tùy chọn). Việc ban hành chính sách là rất quan trọng vì chính sách phải xuất phát từ tình hình xã hội – chính trị thì mới bền vững và thực thi.

Việc bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết dân tộc là quyền lợi chính đáng được xác nhận, song từ chính sách đến thực thi hiện nay còn nhiều khoảng trống: Tiếng Gia rai được dạy ở Đại học Tây Nguyên nhưng chương trình đào tạo và chứng chỉ tiếng dân tộc thì còn chưa được quy định thống nhất. Cán bộ nhà nước cần học ngôn ngữ dân tộc trong vùng như ở Thanh Sơn (Vĩnh Phúc), cán bộ có thể thi tiếng Mường để nâng ngạch, nhưng hiện còn thiếu những quy chuẩn thống nhất trong cả nước. Hiện tượng loạn chế tác chữ dân tộc như trường hợp tiếng Chăm, hoặc tiếng Thái với những bộ chữ viết khác nhau… gây khó khăn cho việc lựa chọn cách viết trên ấn phẩm và trong giáo dục tiếng dân tộc.

Tạo chính sách quản lý thích hợp: các chính sách của chính phủ cần được cộng đồng tham gia và hỗ trợ: học sinh, sinh viên phải hợp tác. Nên giáo dục ý thức của thế hệ mới về truyền thống văn hóa của mình: có thay đổi như cần làm gì để bảo tồn khi thế giới thay đổi nhanh chóng.

Đề cập đến vai trò của phương tiện thông tin đại chúng, việc giác ngộ chính sách cần đổi mới và nâng cao chất lượng truyền thông, trong đó cần phân cụm dữ liệu hiệu quả, đồng thời xác định nội dung, phương thức và đối tượng thích hợp. Chẳng hạn như việc sử dụng ngôn ngữ nào dùng cho tuyên truyền trong vùng các dân tộc sống đan xen, ngoài tiếng phổ thông (chẳng hạn như khi người Sán Dìu dưới 35 tuổi ở Thái Nguyên chỉ nói tiếng phổ thông và người Dao ở Lạng Sơn chỉ nói tiếng Nùng sau phổ thông).

3. Từ hơn mười năm trở lại đây, thế giới đã có nhiều hội thảo. Nhìn chung có hai "phe": có thể toàn cầu hóa, kể cả văn hóa và có thể toàn cầu hóa kinh tế, nhưng không thể có văn hóa khác được, nói cách khác là phải bảo tồn tính đa dạng văn hóa.

Khi cả thế giới bước vào một cuộc chơi với một hệ thống quy định chung thì bản sắc văn hóa chính là nền tảng làm nên nét độc đáo, nét riêng và tạo nên lợi thế cho mỗi quốc gia, dân tộc trong cuộc chơi ấy. Nhiều ý kiến nhấn mạnh đến vai trò của bản sắc văn hóa dân tộc, tri thức địa phương đồng thời đưa ra những ví dụ về hậu quả của việc coi thường nó. Song vấn đề đặt ra là giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo tồn thế nào là hợp lý?

Bằng phương pháp tiếp cận liên ngành và xuyên ngành, Hội thảo đã tập trung làm rõ vai trò của văn hoá nói chung và bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc nói riêng đối với sự phát triển bền vững của mỗi nước, mỗi vùng, không gian văn hoá trước xu thế và yêu cầu hội nhập khu vực, thế giới. Đồng thời, Hội thảo cũng nêu lên kinh nghiệm của một số nước trong việc hoạch định chính sách bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc vì mục tiêu phát triển bền vững.

Hẳn là Hội thảo này chưa thể giải quyết hết mọi vấn đề, nhưng đã cho thấy mối quan tâm chung của giới khoa học nhiều nước đến "tri thức địa phương" hay còn gọi là "tri thức bản địa", cần nghiên cứu sâu sắc những cái có thể và cần bảo tồn và phát huy. Hội thảo cũng kêu gọi tiếp tục hợp tác nghiên cứu rộng lớn giữa các quốc gia, vùng và khu vực để chia sẻ kinh nghiệm, góp phần phát triển bền vững mỗi quốc gia, trong điều kiện hội nhập kinh tế của xu thế toàn cầu hóa, với những thách thức không hề nhỏ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc phục vụ phát triển bền vững – International Conference Ethnic-cultural Identity Conservation and Promotion for Sustainable Development. Hanoi, December 17th, 2010, 460 tr.
2. *http://ussh.edu.vn/ban-sac-van-hoa-va-su-phat-trien-ben-vung/3350*
3. *http://www.vienngonnguhoc.gov.vn/?act=News&do=Detail&nid=246*